## KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

**THỜI GIAN LÀM BÀI 90 PHÚT**

**I. KHUNG MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 2*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(Nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| ***1. Đa dạng thế giới sống (28 tiết)*** |  | **3** | 1 | **2** |  |  | 1 |  | 2 | 5 | 3,25 |
| ***2. Lực trong đời sống (10 tiết)*** |  | **3** | 1 | **1** |  |  |  |  | 1 | 4 | 2,0 |
| ***3. Năng lượng (10 tiết)*** | 1 | **3** |  | **1** |  |  |  |  | 1 | 4 | 2,0 |
| ***4. Trái đất và bầu trời (12 tiết)*** |  | **3** |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 3 | 2,75 |
| **Số câu** | 1 | **12** | 2 | **4** | 1 | **0** | 1 | **0** | 5 | 16 | 21 |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **% Điểm số** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | |  | | **10 điểm**  **(100%)** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL | TN |
| ***1. Đa dạng thế giới sống (30 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  - Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra.  - Sự đa dạng của thực vật, động vật.  - Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên. | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh do vi rút gây nên. |  | 1 |  | C1 |
| - Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. |  | 1 |  | C2 |
| - Nêu được một số tác hại của thực vật trong đời sống. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. |  |  |  |  |
| - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … |  | 1 |  | C3 |
| **Thông hiểu** | - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). |  |  |  |  |
| - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  | 1 |  | C4 |
| - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). | 1 |  | C20 |  |
| - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | 1 |  | C5 |
| - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  |
| - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | - Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  |  |  |  |
| - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).  - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. |  |  |  |  |
| - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). | 1 |  | C21 |  |
| ***Lực trong đời sống (10 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| -Lực và tác dụng của lực -Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc  -Ma sát  -Lực cản của nước  -Khối lượng và trọng lượng  -Biến dạng của lò xo | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị lực đo lực. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế. |  | 1 |  | C6 |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. |  |  |  |  |
| - Kể tên được ba loại lực ma sát. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí). |  | 1 |  | C7 |
| - Nêu được khái niệm về khối lượng. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm trọng lượng. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện. |  |  |  |  |
| - Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém. |  | 1 |  | C8 |
| **Thông hiểu** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. |  | 1 |  | C9 |
| - Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế). |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ. | 1 |  |  | C18 |
| - Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được chiều của lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong môi trường. |  |  |  |  |
| - Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường. |  |  |  |  |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng. |  |  |  |  |
| - Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế. |  |  |  |  |
| **-** Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thôngđường bộ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ thực tế và giải thích được khi vật chuyển động trong môi trường nào thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường đó.  Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại. |  |  |  |  |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật. |  |  |  |  |
| ***3. Năng lượng (10 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| -Khái niệm về năng lượng  -Một số dạng năng lượng  -Sự chuyển hoá năng lượng  -Năng lượng hao phí  -Năng lượng tái tạo  -Tiết kiệm năng lượng | **Nhận biết** | - Chỉ ra được một số hiện tượng trong tự nhiên hay một số ứng dụng khoa học kĩ thuật thể hiện năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số nhiên liệu thường dùng trong thực tế. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số loại năng lượng. |  | 1 |  | C10 |
| - Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật. |  | 1 |  | C11 |
| - Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. | 1 |  |  | C17 |
| - Chỉ ra được một số ví dụ về sử dụng năng lượng tái tạo thường dùng trong thực tế. |  | 1 |  | C12 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được nhiên liệu là vật liệugiải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. Lấy được ví dụ minh họa. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được các dạng năng lượng. |  |  |  |  |
| - Chứng minh được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  |  |  |  |
| - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| **-** Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. |  | 1 |  | C13 |
| - Nêu được sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. Lấy được ví dụ thực tế. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số vật liệu trong thực tế có khả năng giải phóng năng lượng lớn, nhỏ. |  |  |  |  |
| - So sánh và phân tích được vật có năng lượng lớn sẽ có khả năng sinh ra lực tác dụng mạnh lên vật khác. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng của định luật trong khoa học kĩ thuật. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ thực tế về ứng dụng trong kĩ thuật về sự truyền nhiệt và giải thích được. |  |  |  |  |
| - Đề xuất biện pháp và vận dụng thực tế việc sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. |  |  |  |  |
| ***4. Trái đất và bầu trời (12 tiết).*** | | |  |  |  |  |
| -Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời  -Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng  -Hệ Mặt Trời  -Ngân Hà. | **Nhận biết** | - Mô tả được quy luật chuyển động của Mặt Trời hằng ngày quan sát thấy. |  |  |  |  |
| - Nêu được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  | 1 |  | C14 |
| - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời. |  | 1 |  | C15 |
| - Nêu được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. |  | 1 |  | C16 |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được quy luật chuyển động mọc, lặn của Mặt Trời. |  |  |  |  |
| - Giải thích được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  |  |  |  |
| - Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. |  |  |  |  |
| - Giải thích được hình ảnh quan sát thấy về sao chổi. |  |  |  |  |
| - Giải thích được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng. | 1 |  |  | C19 |
| - Thiết kế mô hình thực tế bằng vẽ hình, phần mềm thông dụng để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  |  |  |  |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**A. TRẮC NGHIỆM (4,0 ĐIỂM)**

**Câu 1.** **Virus gây ra nhiều bệnh nguy hiểm cho con người, nhóm các bệnh nào dưới đây do virus gây ra?**

**A**. Viêm gan B, AIDS, sởi.

**B.** Quai bị, lao phổi, viêm gan B.

**C**. Tả, sởi, viêm gan A.

**D**. Viêm não Nhật Bản, thủy đậu, viêm da.

**Câu 2.**  **Bệnh lao do loài nào gây nên?**

**A.** Vi khuẩn tả. **B.** Vi khuẩn lao. **C**. Chấy. **D**. Vi khuẩn tụ cầu vàng.

**Câu 3.** **Ví dụ nào dưới đây nói về vai trò của động vật với tự nhiên?**

**A**. Động vật cung cấp nguyên liệu phục vụ cho đời sống.

**B**. Động vật có thể sử dụng để làm đồ mỹ nghệ, đồ trang sức.

**C**. Động vật giúp thụ phấn và phát tán hạt cây.

**D**. Động vật giúp con người bảo về mùa màng.

**Câu 4.** **Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?**

**A.** Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.

**B.** Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây ổi.

**C.** Cây hoàng đàn, cây hoa li, cây bèo tấm, cây rêu.

**D**. Cây thông, cây rêu, cây hoa hồng, cây rau muống.

**Câu 5.** **Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là gì?**

**A.** Hình thái đa dạng.                 **B.** Có xương sống.

**C.** Kích thước cơ thể lớn.           **D.** Sống lâu.

**Câu 6. Dụng cụ dùng để đo lực là**

**A.** thước. **B.** đồng hồ. **C.** lực kế. **D**. nhiệt kế.

**Câu 7. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của không khí *nhỏ nhất*?**

**A**. Người đạp xe giữ lưng thẳng khi đi.

**B**. Người đạp xe nghiêng người sang trái khi đi.

**C**. Người đạp xe cúi gập người xuống khi đi.

**D**. Người đạp xe nghiêng người sang phải khi đi.

**Câu 8. Vật nào dưới đây có tính chất đàn hồi?**

**A**. Quyển sách. **B**. Sợi dây cao su. **C**. Hòn bi. **D**. Cái bàn.

**Câu 9. Hình vẽ sau biểu diễn lực P tác dụng lên vật có đặc điểm gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới, có độ lớn 60N.  **B.** Có phương nằm dọc, chiều từ phải sang trái, có độ lớn 60N.  **C.** Có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới, có độ lớn 40N.  **D.** Có phương nằm ngang, chiều từ trên xuống dưới, có độ lớn 60N. |  |

**Câu 10. Dạng năng lượng tích trữ trong cánh cung khi được kéo căng là**

**A**. động năng. **B**. hóa năng. **C**. thế năng đàn hồi. **D**. quang năng.

**Câu 11. Trong các dụng cụ và thiết bị điện sau đây, thiết bị nào chủ yếu biến đổi điện năng thành năng lượng ánh sáng?**

**A.** Ấm điện. **B.** Bàn là điện. **C.** Đèn LED. **D.** Máy bơm nước.

**Câu 12. Trong những dạng năng lượng sau đây, dạng nào *không* phải là dạng năng lượng tái tạo?**

**A**. Năng lượng địa nhiệt. **B**. Năng lượng từ than đá.

**C**. Năng lượng sinh khối. **D**. Năng lượng từ gió.

**Câu 13. Trong quá trình thắp sáng một que diêm đã có sự chuyển hóa năng lượng nào?**

**A.** Hóa năng chuyển hóa thành nhiệt năng.

**B.** Hóa năng chuyển hóa thành quang năng.

**C.** Hóa năng chuyển hóa thành nhiệt năng và quang năng.

**D.** Hóa năng chuyển hóa thành nhiệt năng và cơ năng.

**Câu 14. Chúng ta nhìn thấy Trăng tròn khi nào?**

**A**. Một nửa phần được chiếu sáng của Mặt Trăng hướng về Trái Đất.

**B**. Toàn bộ phần được chiếu sáng của Mặt Trăng hướng về Trái Đất.

**C**. Toàn bộ Mặt Trăng được Mặt Trời chiếu sáng.

**D**. Mặt Trăng ở khoảng giữa Trái Đất và Mặt Trời.

**Câu 15. Sao chổi là**

**A**. vệ tinh. **B**. hành tinh. **C**. ngôi sao. **D**. tiểu hành tinh.

**Câu 16. Câu nào sau đây phát biểu *đúng*?**

**A**. Ngân Hà không chuyển động mà chỉ có hệ Mặt Trời của chúng ta chuyển động.

**B**. Ngân Hà chuyển động trong vũ trụ với tốc độ khoảng 600 000 m/s.

**C**. Muốn quan sát các thiên thể ta cần sử dụng kính lúp.

**D**. Kích thước của hệ Mặt Trời lớn hơn nhiều so với kích thước của Ngân Hà.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)**

**Câu 17 (1,0 điểm).** Năng lượng được cung cấp cho một ô tô chuyển động được cung cấp từ đâu? Gọi tên các dạng năng lượng xuất hiện khi ô tô chuyển động trên đường?

**Câu 18 (1,0 điểm).** Phân loại trường hợp liên quan đến lực tiếp xúc, lực không tiếp xúc trong các trường hợp sau: Lực chân cầu thủ đá vào quả bóng; Giọt mưa rơi; Người thợ rèn dùng búa đập vào thanh sắt nung; Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời; Lực đẩy xe lên dốc.

**Câu 19 (2,0 điểm)**.

a.Mặt Trời lúc nào cũng chiếu sáng Trái Đất. Tại sao trên Trái Đất lại có ngày và đêm liên tiếp?

b.Tại sao chúng ta thấy hình dạng khác nhau của Mặt Trăng trong tuần trăng?

**Câu 20 (1,0 điểm).** Em hãy trình bày vai trò của thực vật đối với môi trường.Cho ví dụ minh hoạ của từng vai trò đó.

**Câu 21 (1,0 điểm).** Cho các loài động vật có xương sống dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | Cá Heo Biển Động Vật Mẹ Và - Miễn Phí vector hình ảnh trên Pixabay | Phổ biến kỳ Nhông Chứng nhiếp ảnh Véc tơ đồ họa chứng minh Họa.xchng - điện  png tải về - Miễn phí trong suốt Loài Bò Sát png Tải về. |
| **Ếch đồng** | **Hổ** | **Cá sấu** | **Cá heo** | **Kì nhông** |
|  |  |  |  |  |
|  |  | Clip nghệ thuật Rùa di động Mạng Đồ họa Minh họa Đồ họa Vector - thế giới  rùa ngày png tải về - Miễn phí trong suốt Rùa png Tải về. | Con dơi png | PNGEgg | Toadfish hi-res stock photography and images - Alamy |
| **Chim công** | **Gà gô** | **Rùa** | **Dơi** | **Cá cóc Tam Đảo** |

Hãy sắp xếp các động vật trên vào các lớp sao cho phù hợp.

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2**

**A. TNKQ (4,0 ĐIỂM):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| Đ/A | A | B | C | B | B | C | C | B | A | C | C | B | C | B | D | B |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 17**  (1,0 điểm) | - Cung cấp từ hoá năng dự trữ trong xăng, dầu.  **-** Các dạng năng lượng xuất hiện khi xe ô tô chuyển động trên đường: động năng, năng lượng âm, quang năng, nhiệt năng.... | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 18**  (1,0 điểm) | - Lực tiếp xúc: Lực chân cầu thủ đá vào quả bóng; Người thợ rèn dùng búa đập vào thanh sắt nung ; Lực đẩy xe lên dốc.  - Lực không tiếp xúc: Giọt mưa rơi; Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời. | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 19**  (2,0 điểm) | a.Mặt Trời lúc nào cũng chiếu sáng Trái Đất. Nhưng trên Trái Đất lại có ngày và đêm liên tiếp vì: + Trái Đất có hình dạng khối cầu.  + Trái Đất tự quay quanh trục  Nên mọi nơi bề mặt của Trái Đất đều lần lượt được Mặt Trời chiếu sáng.  b.Chúng ta thấy hình dạng khác nhau của Mặt Trăng trong tuần trăng là do ta nhìn Mặt Trăng ở các góc nhìn khác nhau. | 1 điểm  1 điểm |
| **Câu 20**  (1,0 điểm) | *Vai trò của thực vật đối với môi trường:*  + Cân bằng khí Oxygen và carbon dioxide trong khí quyển. Nêu được ví dụ.  + Giảm nhiệt độ môi trường, điều hòa không khí, giảm hiệu ứng nhà kính. Nêu được ví dụ.  + Tạo tính thẩm mỹ cho ngôi nhà… Nêu được ví dụ.  + Bảo vệ đất và nguồn nước, hạn chế giảm nhẹ mức độ nguy hiểm của thiên tai như lũ quét, sạt lở đất. Nêu được ví dụ. | 0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ |
| **Câu 21**  **(1,0 điểm)** | Lớp Lưỡng cư: ếch đồng, kì nhông, cá cóc Tam Đảo  Lớp Bò sát: cá sấu, rùa  Lớp Chim: công, gà gô  Lớp Thú: hổ, cá heo, dơi | 0,25  0,25  0,25  0,25 |